Trung A Ham - Thich Tue Sy dich (2)

Kinh A Hàm — Trung A Hàm

Trung A Ham - Thich Tue Sy dich

Thư mục BuddhaSasana

Lưu ý: Đọc với phông chữ CN-Times nâng cấp hay Arial Unicode MS

Trung A H m Kinh

Mục Lục Tổng Quát

01. PHẨM BẢY PHÁP

01. Kinh Thiện Pháp

02. Kinh Trú Đạc Thọ

03. Kinh Thành Dụ

04. Kinh Thủy Dụ

05. Kinh Một Tích Dụ

06. Kinh Thiện Nhân Vãng

07. Kinh Thế Gian Phước

08. Kinh Thất Nhật

09. Kinh Thất Xa

10. Kinh Lậu Tận

02. PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ƯNG

03. PHẨM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG ƯNG

04. PHẨM VỊ TẰNG HỮU PHÁP

05. PHẨM TẬP TƯƠNG ƯNG

06. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ƯNG

07. PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

08. PHẨM UẾ

09. PHẨM NHÂN

10. PHẨM LÂM

11. PHẨM ĐẠI (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần sau)

13. PHẨM CĂN BỔN PHÂN BIỆT

14. PHẨM TÂM

15. PHẨM SONG

16. PHẨM ĐẠI (Phần sau)

17. PHẨM BỒ-ĐA-LỢI

18. PHẨM LỆ

Source: LotusMedia lotusmedia.net

KINH TRUNG A HÀM

Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm, Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ

1. PHẨM BẢY PHÁP 2. KINH TRÚ ĐẠC THỌ [1] T ôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở tại Thắng lâm trong vườn Cấp cô độc.

Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu lá cây Trú đạc [02] Tam thập tam thiên úa vàng [03] , lúc đó thiên chúng ở Tam thập thiên vui mừng hớn hở, cho rằng lá cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ rụng. Rồi thì lá cây ở Tam thập tam thiên đã rụng. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hớn hở cho rằng lá cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ mọc lại. Rồi thì lá cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên đã mọc lại, lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hớn hở cho rằng cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ kết ra mạng lưới [04] . Rồi thì cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên đã kết mạng lưới.

Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hớn hở cho rằng cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ nở nụ giống như mỏ chim [05] . Rồi thì cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên đã nở nụ giống như mỏ chim. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên cho rằng cây Trú đạc chẳng bao lâu nữa sẽ nở hoa giống như cái bát [06] . Rồi thì cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên đã nở hoa như cái bát. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên hớn hở cho rằng cây Trú đạc chẳng bao lâu hoa sẽ nở tròn trịa. Nếu cây Trú đạc nở hoa tròn trịa thì nó chiếu ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra mùi thơm trong chu vi trăm do-diên [07] . Lúc bấy giờ vào tháng tư mùa hạ, các vị Tam thập tam thiên vui đùa với năm món dục lạc cõi trời. Đó là Tam thập tam thiên tập trung dưới cây Trú đạc mà hưởng thọ sự hoan lạc.

“Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia, lúc đó vị Thánh đệ tử như là chiếc lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú đạc ở cõi Tam thập tam thiên vàng úa.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên rụng xuống.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán [08] , có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly [09] , thành tựu và an trụ [10] Sơ thiền; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại như lá cây ở Tam thập tam thiên sanh trở lại.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử giác và quán đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh [11] thành tựu và an trụ Nhị thiền. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là sanh màng lưới như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên sanh mạng lưới.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu [12] , chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không [13] , thành tựu an trụ Tam thiền. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên nở nụ như mỏ chim.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh [14] thành tựu an trụ Tứ thiền. Vị Thánh đệ tử lúc đó được gọi là nở hoa như cái bát vậy. cũng như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên nở hoa như cái bát.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử các lậu đã tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong đời này [15] mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; vị ấy biết một cách như thật rằng ‘Sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa’. Lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng giống như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên nở hoa tròn trịa. Đó là vị Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán, được Tam thập tam thiên tập hội tại chánh điện Thiện pháp hỏi han khen ngợi rằng: ‘Vị Thánh đệ tử tôn quý đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết một cách như thật rằng, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Đó là sự tập hội của các A-la-hán lậu tận, như Tam thập tam thiên cùng tập hội dưới cây Trú đạc vậy”.

Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

-ooOoo-

Chú thích:

[01] Tương đương Pāli: A. VII.65 Pārichattaka-sutta. Biệt dịch No.28 Phật Thuyết Viên Sinh Thọ Kinh, 1 quyển, Tống Thi Hộ dịch (Đại 2, tr.810); No.125 (39.2) Tăng Nhất 33, “Đẳng Pháp Phẩm” (Đại 2, tr.729). [02] Hán: trú đạc (độ) thọ . Pāli: pārichattaka (Skt. pārijāta: viên sinh thọ . Cây san hô (Erythmia Indica) trên trời Đao-lợi (Pl. Tāvatiṃsa), làm chuẩn để tính ngày; đồng hồ của trời Đao-lợi. No.125 (39.2) mô tả: gốc cây lớn năm mươi do tuần, cao một trăm do tuần, bóng mát phủ bốn phía, mỗi phía năm mươi do tuần. Các Thiên thần cõi trời Tam thập tam thiên, vào tiết tháng tư thường tụ tập đến đó thưởng ngoạn. No.28 cũng mô tả tương tự. [03] No.28: cây ấy tức sinh ra bán nổ bát la xá . Pāli: paṇḍupālasa: (lá cây) héo úa. [04] Hán: sinh võng . Pāli: jālakajāta: nảy mầm chồi non. Bản Hán phân tích: jālaka: màng lưới +

jāta: đã sinh. No. 28: bảo võng . phân tích: jālaka, lưới; + jāta = jātarūpa (?): vàng (hoàng kim). [05] Hán: điểu trác . Pāli: khāraka, chồi hay lộc. [06] No.28, hai giai đoạn: câu-châm-ma-la-ca . Pāli: kuḍumalaka, nụ hoa vừa lú); và ca-ca-tả . Pāli, koraka, nụ hoa). [07] Pāli: samantā paññ āsayojanāni ābhāya phuṭaṃ hoti, anuvātaṃ yojanasataṃ gandho gacchati, "hương thơm tỏa ra trùm khắp năm mươi yojana (do-tuần, hay do-diên); thuận gió, bay đến một trăm yojana. [08] Hán: hữu giác hữu quán . Pāli: sa vitakkaṃ savicāraṃ, câu hữu với tầm (suy tầm) và câu hữu với tứ (tư sát). [09] Hán: ly sanh hỷ lạc . Pāli: vivekajaṃ pītisukhaṃ, hỷ và lạc phát sinh từ sự ẩn cư. [10] Hán: thành tựu du . Pāli: upasampajja viharati, sau khi chứng nhập, vị ấy an trụ (sống trong trạng thái). [11] Hán: định sanh hỷ lạc . Pāli: samādhijaṃ pītisukhaṃ. [12] Hán: ly ư hỷ dục, xả, vô cầu du . Pāli: pītiyā ca virāgā ca uppekkako ca viharati: vị ấy sống (an trú) trong trạng thái xả, không còn hỷ. [14] Hán: xả niệm thanh tịnh . Pháp Uẩn 7 (Đại 26, tr.485a): "Lúc bấy giờ, hoặc xả, hoặc niệm, thảy đều được thanh tịnh". Pāli: upekkā-sati-parisuddhiṃ. [15] Hán: ư hiện pháp trung . Pāli: diṭṭhe dhamme.

-ooOoo-

trang trước

đầu trang

trang kế

[Thư mục BuddhaSasana]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.